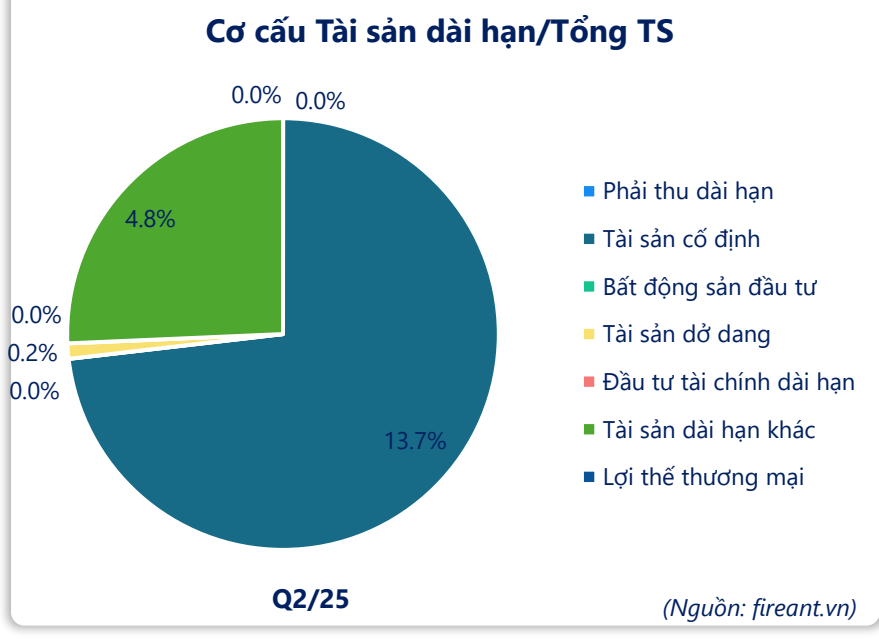
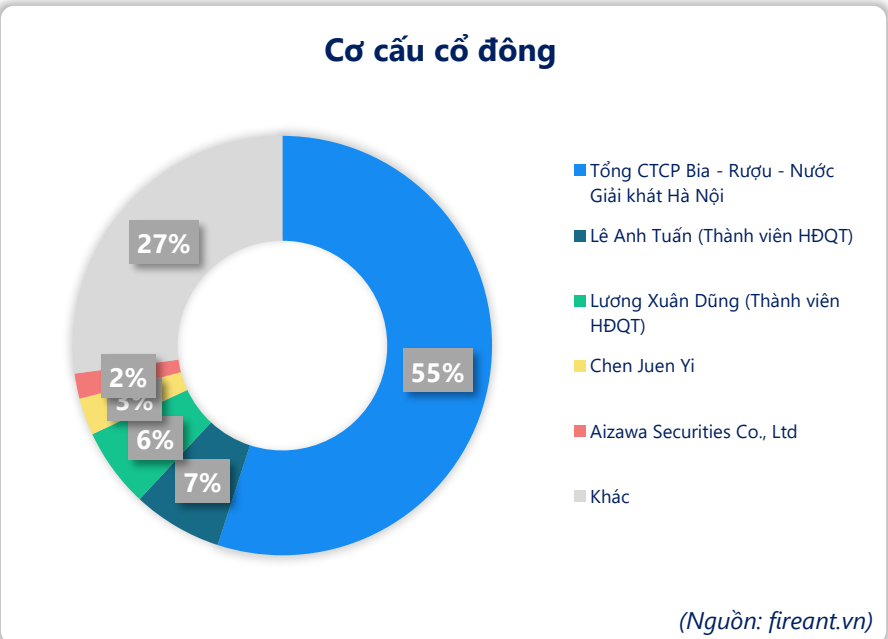
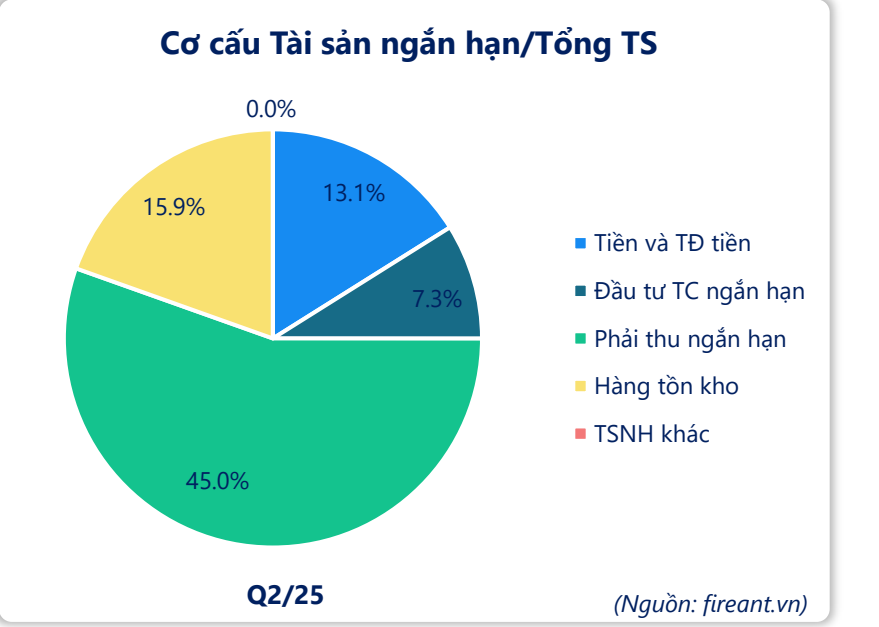
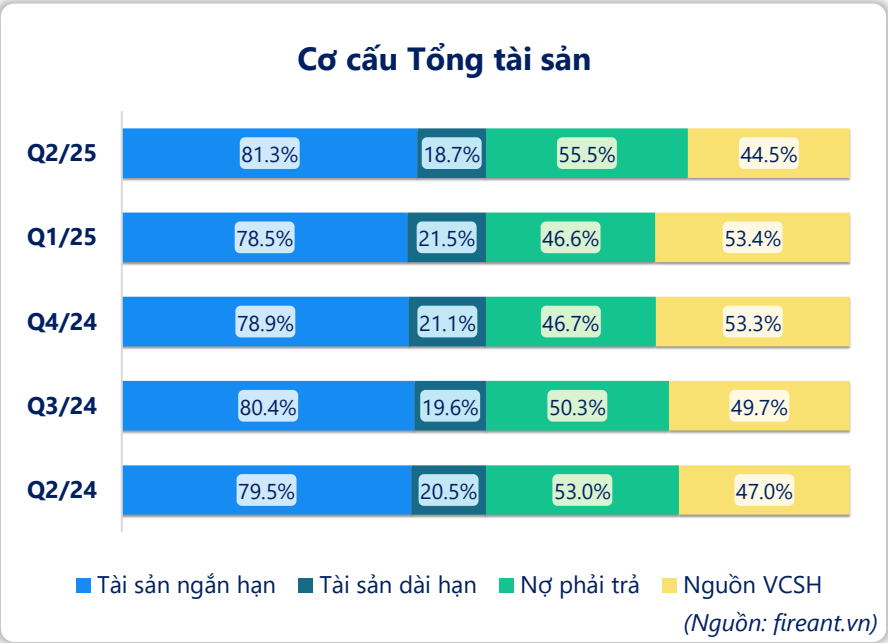
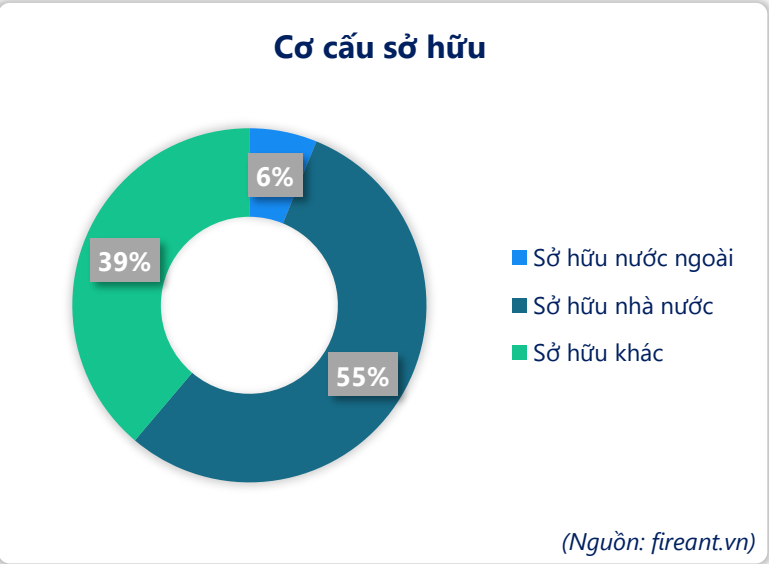
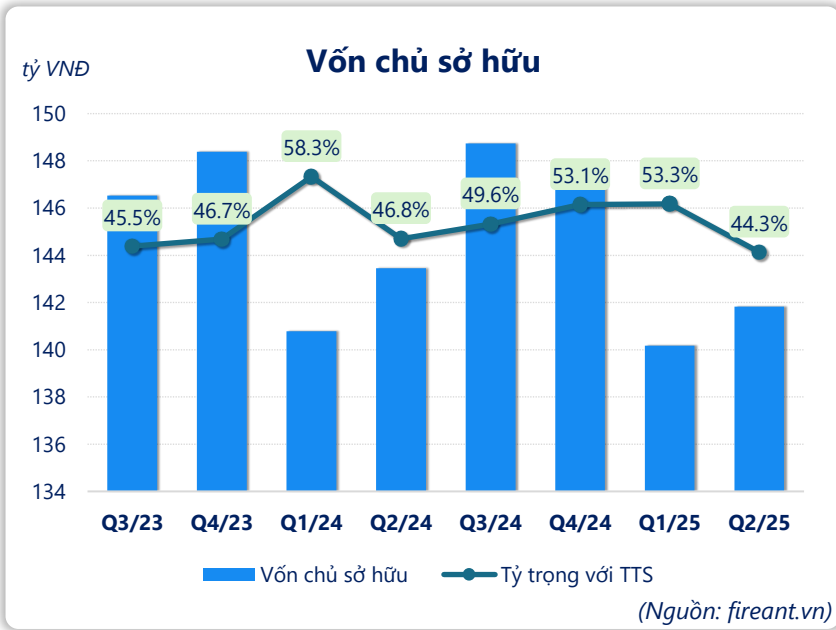
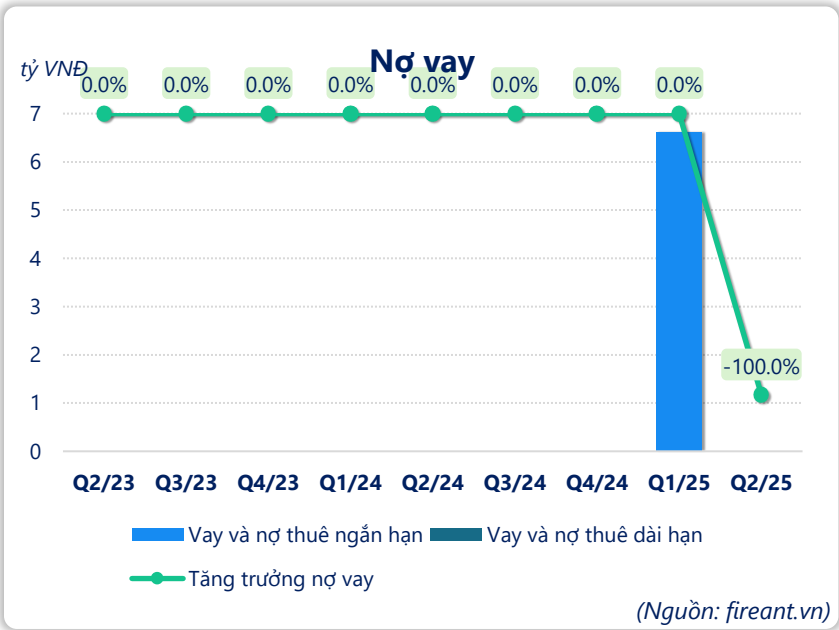
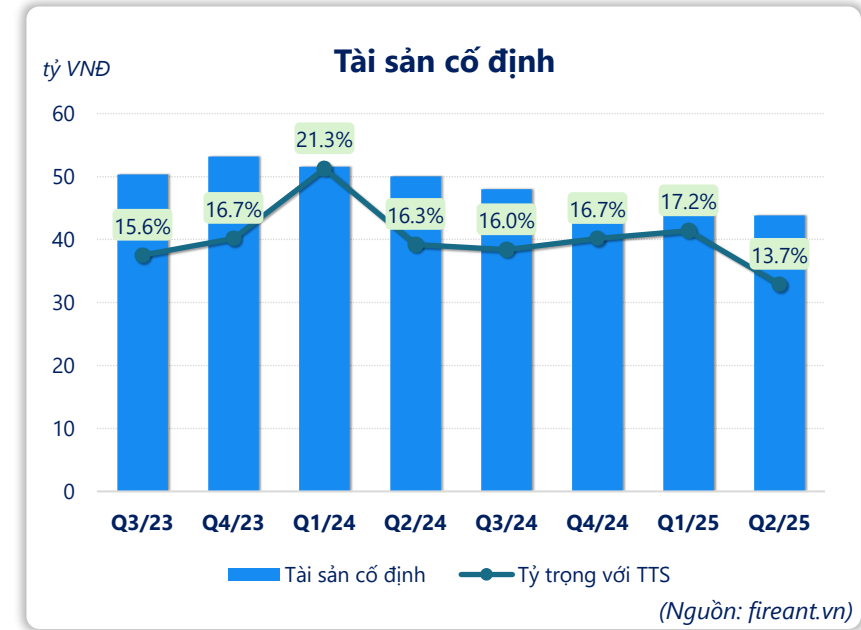
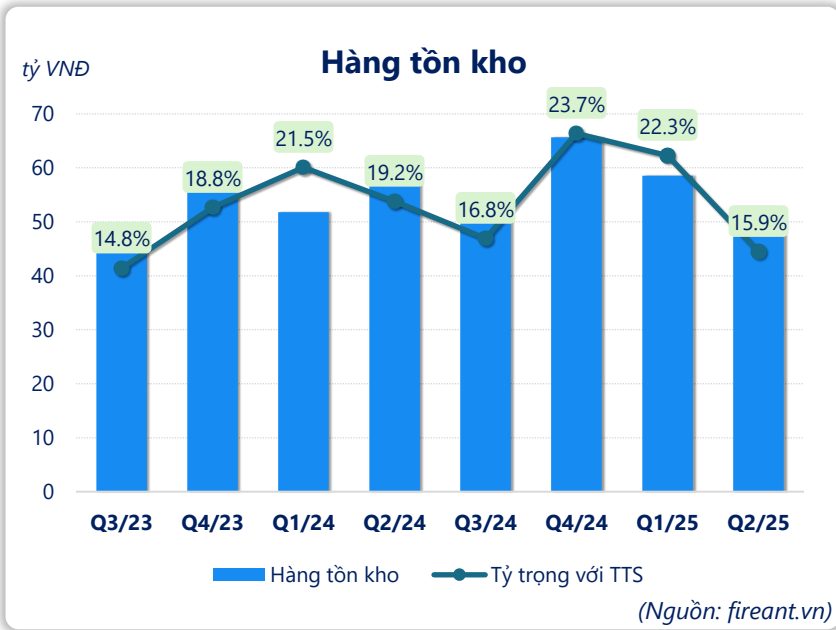
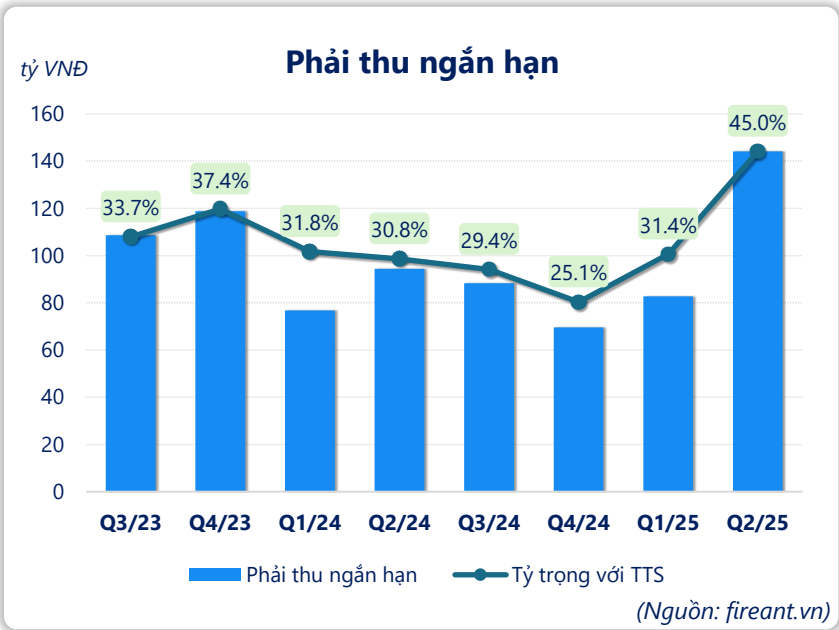
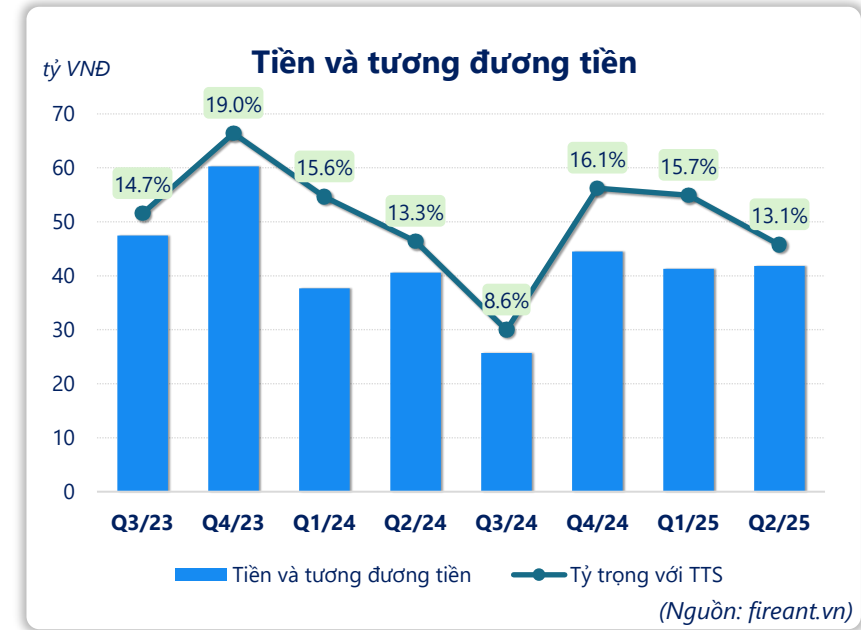
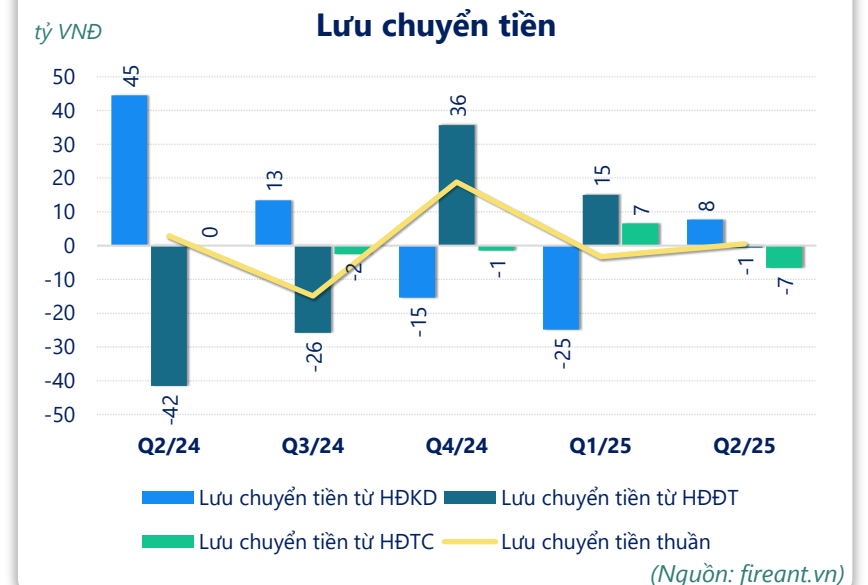
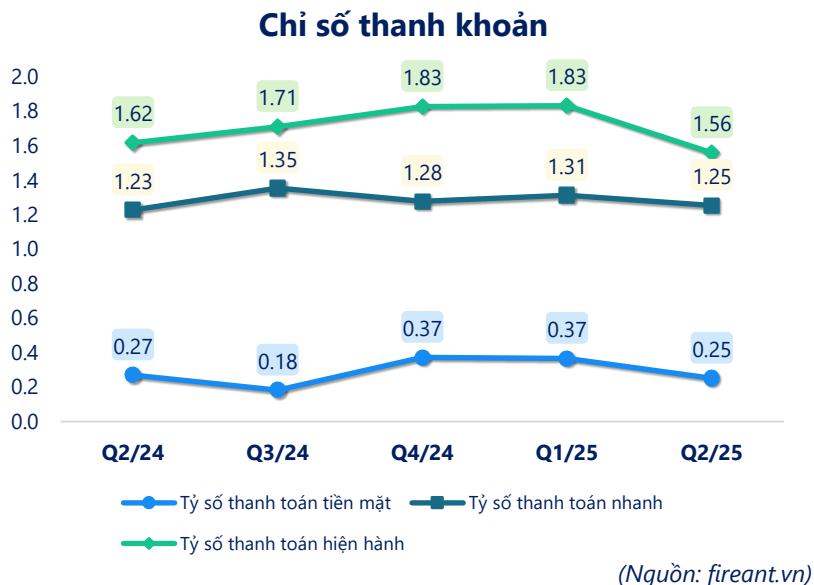
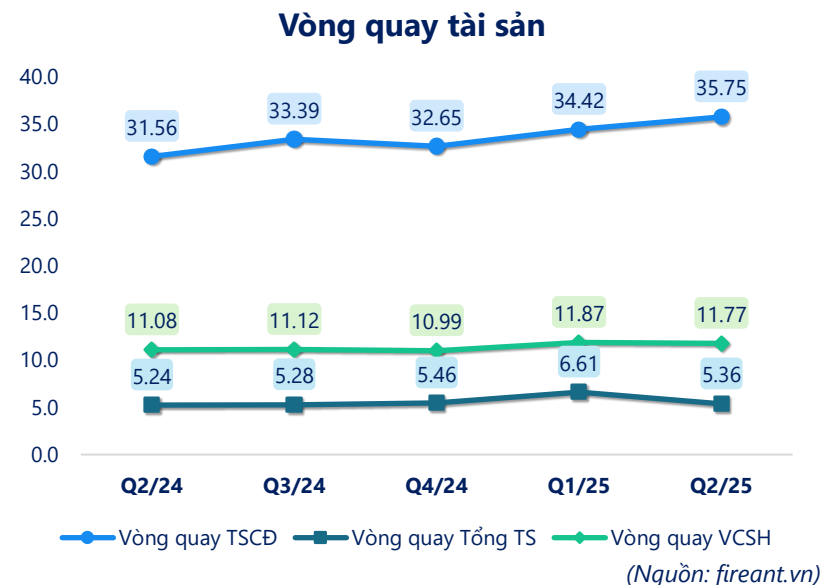
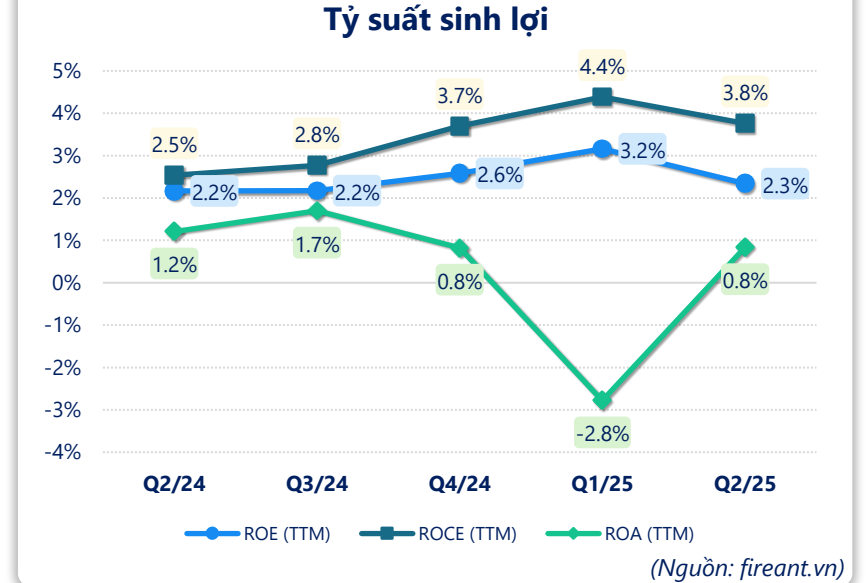
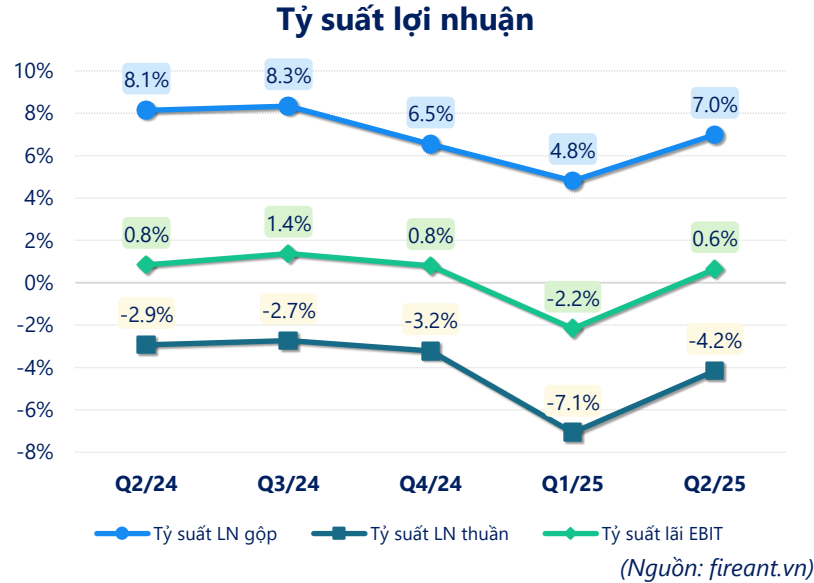
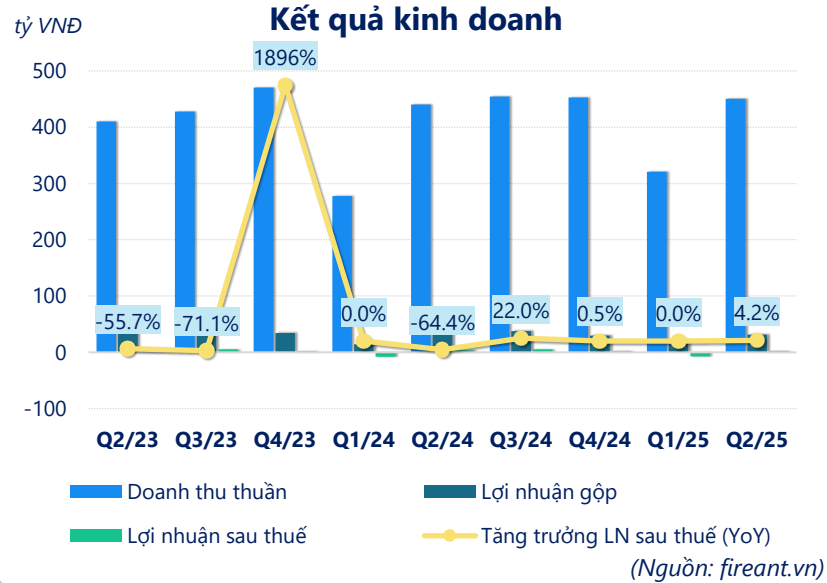


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,005
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,912
SL cổ phiếu LH		11,424,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		123
P/E		37.0
EPS		292

	YTD	1T	3T	6T
THB	-4.1%	2.1%	3.1%	-4.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	320	280	14.3%
Tài sản ngắn hạn	260	222	17.4%
Tiền và tương đương tiền	41.8	44.5	-6.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.2	38.1	-39.1%
Phải thu ngắn hạn	144	72.5	98.8%
Hàng tồn kho	50.8	65.7	-22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.72	-98.2%
Tài sản dài hạn	59.9	58.5	2.5%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	43.8	46.4	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.69	1.35	-49.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	15.4	10.8	42.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	178	132	34.2%
Nợ ngắn hạn	167	123	36.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	6.58	555%
Nợ dài hạn	10.9	9.86	10.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	142	148	-3.6%
Vốn chủ sở hữu	142	147	-3.6%
Vốn điều lệ	114	114	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.39	0.39	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	440	454	453	321	451
Giá vốn hàng bán	404	416	423	305	419
Lợi nhuận gộp	35.8	37.9	29.6	15.4	31.5
Doanh thu HĐTC	0.31	0.70	0.79	0.31	0.25
Chi phí TC	0	0	0.02	0	0.06
Chi phí lãi vay	0	0	0.02	0	0.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	39.0	37.8	32.8	29.5	38.6
Chi phí QLDN	10.0	13.1	12.2	8.98	11.8
LN thuần từ HĐKD	-12.9	-12.4	-14.6	-22.7	-18.7
Lợi nhuận khác	16.6	18.7	18.2	15.8	21.6
LN trước thuế	3.74	6.26	3.58	-6.95	2.84
Lợi nhuận sau thuế	3.72	5.29	2.45	-7.02	2.62
LNST của CĐ cty mẹ	3.72	5.29	2.45	-7.02	2.62

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.5	13.4	-15.4	-24.9	7.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.6	-25.9	35.7	15.0	-0.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-2.48	-1.46	6.60	-6.60
Tiền đầu kỳ	37.7	40.6	25.7	44.5	41.3
Lưu chuyển tiền thuần	2.93	-14.9	18.8	-3.23	0.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	40.6	25.7	44.5	41.3	41.8

(Nguồn: fireant.vn)